

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1058 /2017/QĐST–HNGĐ

Biên Hòa, ngày 29 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1543/2017/TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa;

*** Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1988**

Hộ khẩu thường trú: xóm 1, thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện tại: hẻm 5, khu phố 4A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn: ông Cao Quang H, sinh năm 1984**

Hộ khẩu thường trú: xóm 1, thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện tại: hẻm 5, khu phố 4A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

*** Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1988**

Hộ khẩu thường trú: xóm 1, thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện tại: hẻm 5, khu phố 4A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn: ông Cao Quang H, sinh năm 1984**

Hộ khẩu thường trú: xóm 1, thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện tại: hẻm 5, khu phố 4A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị L và ông Cao Quang H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao cháu Cao Ngọc Phương V, sinh ngày 02/10/2009 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: các đương sự khai không có, Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung: không có

- Về án phí HNGĐ: bà Nguyễn Thị L tự nguyện nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà L đã nộp tại biên lai thu tiền số 002099 ngày 12/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dư.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Đương sự;
- VKSND TP B;
- UBND xã Đ,
- h. Đ
- t. Thái Bình
- (Số 25/2010 -)
- TAT, VP.
- THADS TP. B

Thẩm phán

Lê Thị Ký